TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 14-5-2021
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Xuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thành Công;

Ông La Văn Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vui - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Thùy Ng, sinh năm 1989; hộ khẩu thường trú: thôn L, xã P, huyện Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế; tạm trú: tổ 7, khu phố M, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Bá B, sinh năm 1986; hộ khẩu thường trú: thôn L, xã P, huyện Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế; tạm trú: tổ 7, khu phố M, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 12 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trương Thị Thùy Ng trình bày:

Về hôn nhân: chị Trương Thị Thùy Ng đăng ký kết hôn với anh Trần Bá B tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 12 tháng 02 năm 2014 (Giấy chứng nhận kết hôn số 27/2014, quyển số 01/2013); hôn nhân tự

nguyện. Chị Ng và anh B chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân về vấn đề kinh tế gia đình, hàng tháng anh B chỉ phụ chị Ng một khoảng tiền nhỏ; ngoài ra anh B không lo lắng, quan tâm đến vợ con. Từ đó, anh chị không còn tình cảm, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Chị Ng và anh B không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau và ly thân từ đầu tháng 01 năm 2021 đến nay. Anh B đi làm xa khoảng hai tuần về thăm con. Nay, chị Ng không thể tiếp tục chung sống với anh B nên chị Ng yêu cầu được ly hôn.

Về nuôi con chung: chị Ng và anh B có hai con chung tên Trần Bình Tuyết Tr, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2014 và Trần Bình Tuyết A, sinh ngày 20 tháng 01 năm 2020. Hai con chung hiện còn nhỏ và đang sống với chị Ng. Anh B hiện làm nghề xây dựng, công việc không ổn định và hay di chuyển nhiều nơi. Vì vậy, chị Ng yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con; khi nào hai con chung lớn muốn sống với cha hay mẹ thì người đó trực tiếp nuôi.

Về chia tài sản và nợ chung: chị Ng không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai và Biên bản lấy lời khai của đương sự cùng ngày 20 tháng 01 năm 2021, bị đơn anh Trần Bá B trình bày:

Về hôn nhân: anh B thống nhất lời khai của chị Ng về thời điểm kết hôn, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn. Ngày 08 tháng 12 năm 2020, anh chị có cãi nhau. Ngày 11 tháng 12 năm 2020, sau khi anh B về Thừa Thiên Huế thăm gia đình quay vào thì chị Ng làm đơn ly hôn và yêu cầu anh B ký đơn, anh B không đồng ý; từ đó anh chị không nói chuyện với nhau dù vẫn ở cùng nhà. Nay anh B vẫn còn tình cảm với chị Ng nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh chị có hai con chung như lời khai của chị Ng. Nếu Tòa án cho ly hôn, anh B yêu cầu được nuôi cháu Tr và không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con. Anh B đồng ý giao cháu A cho chị Ng trực tiếp nuôi, anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản chung và nợ chung: anh B không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án: quá trình giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng nhận định:

[1] Về tố tụng: bị đơn anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Về hôn nhân: hôn nhân của chị Ng và anh B là hôn nhân hợp pháp. Chị Ng khai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn về kinh tế, anh B không lo lắng, quan tâm đến vợ con nên vợ chồng không còn tình cảm, không có tiếng nói chung và ly thân từ đầu tháng 01 năm 2021 đến nay, vì vậy chị Ng yêu cầu ly hôn với anh B. Anh B khai vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn nhưng đến ngày 08 tháng 12 năm 2020, vợ chồng có cãi nhau; sau đó chị Ng làm đơn ly hôn, anh B không đồng ý; từ đó vợ chồng không nói chuyện với nhau dù vẫn ở cùng nhà. Xét thấy, chị Ng và anh B là vợ chồng nhưng không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau là không thực hiện đúng nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh B khai vẫn còn tình cảm với chị Ng và không đồng ý ly hôn nhưng sau khi có lời khai tại Tòa, anh B không đến Tòa tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa; cho thấy anh B không có thiện chí được hòa giải đoàn tụ với chị Ng. Nay, hôn nhân của chị Ng và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Ng, quyết định cho chị Ng và anh B ly hôn.

Về nuôi con chung: chị Ng và anh B có hai con chung tên Trần Bình Tuyết Tr và Trần Bình Tuyết A; hai con chung đang sống với chị Ng. Anh B yêu cầu được nuôi cháu Tr và không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con; anh B đồng ý giao cháu A cho chị Ng trực tiếp nuôi, anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa, chị Ng không đồng ý với ý kiến của anh B, chị Ng vẫn yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện nay hai con chung còn rất nhỏ; cháu Tr hơn 06 tuổi và cháu A hơn 01 tuổi; các con chung cần sự trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ. Mặt khác, công việc, thu nhập hàng tháng của chị Ng ổn định (bút lục số 35 đến số 41), đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng hai con. Việc giao con chung cho anh B trực tiếp nuôi sẽ ảnh hưởng đến môi trường học tập, sinh hoạt hàng ngày của cháu Tr và cháu A. Vì vậy, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Ng về nuôi con chung, anh B có trách nhiệm giao cháu Tr và cháu A cho chị Ng trực tiếp nuôi, chị Ng không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về chia tài sản và nợ chung: chị Ng và anh B không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[4] Về án phí: chị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81 và khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Thùy Ng đối với anh Trần Bá B về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Trương Thị Thùy Ng và anh Trần Bá B.

Về nuôi con chung:

Anh Trần Bá B có trách nhiệm giao hai con chung tên Trần Bình Tuyết Tr, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2014 và Trần Bình Tuyết A, sinh ngày 20 tháng 01 năm 2020 cho chị Trương Thị Thùy Ng trực tiếp nuôi, chị Trương Thị Thùy Ng không yêu cầu anh Trần Bá B cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Bá B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về chia tài sản, nợ chung: chị Trương Thị Thùy Ng và anh Trần Bá B không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: chị Trương Thị Thùy Ng phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Trương Thị Thùy Ng đã nộp theo biên lai số AA/2016/0039269 ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Dương. Chị Trương Thị Thùy Ng đã nộp xong án phí.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện B;
- UBND xã P, huyện Đ,
tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TAND (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Kim Xuyến